TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST
Ngày : 14/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Cao Gia.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa tham gia phiên toà: Ông Y Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/TLST-HS ngày 07/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 01/3/2018 đối với:

- *Bị cáo:* **Võ Ngọc D**, sinh năm: 1958 tại huyện SH, tỉnh Phú Yên; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; dân tộc: kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm nông; giới tính: nam; con ông Võ Ngọc X (đã chết) và bà Trần Thị T (đã chết); vợ: Đinh Thị N, sinh năm: 1958 (đã ly hôn); có 04 con: lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: không. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban quản lý rừng đặc dụng KT, huyện SH, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: thôn KT, xã ER, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Phúc Th, Cán bộ phụ trách Thanh tra – Pháp chế (theo giấy ủy quyền số 58/GUQ-RĐD ngày 12/3/2018 của Trưởng ban). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Lê Thị Kim G, sinh năm: 1960; địa chỉ: khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Lê Văn Ph, sinh năm: 1983; địa chỉ: thôn TM, xã ER, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/3/2017 Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng KT phối hợp với UBND xã ER tiến hành kiểm tra rừng và phát hiện diện tích rừng tại khoảnh 4, tiểu khu 206 thuộc xã ER, huyện SH bị chặt, phá. Quá trình điều tra xác minh, xác định: Khoảng tháng 02/2016, Võ Ngọc D điều khiển xe môtô biển số 78N4-0367 mang theo rựa đến tại vị trí trên tự ý dùng rựa chặt phá rừng đặc dụng với diện tích 1.920m^2 để lấy đất sản xuất.

Kết luận giám định tư pháp số 328/KLGĐ-CCKL ngày 25/5/2016 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Tại khoảnh 4, tiểu khu 206 thuộc xã ER, huyện SH diện tích 1.920m^{2}chức năng rừng đặc dụng; trạng thái rừng nghèo, trữ lượng rừng/ha: 28,073m^3; gỗ 2,964m^3 (phẩm chất C); củi 0,3 ster.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-ĐGTS ngày 02/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện SH kết luận: Thiệt hại về lâm sản và môi trường với tổng trị giá: 17.691.408 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện SH tạm giữ 01 xe môtô biển số 78N4-0367 và 01 cái rựa.

Về dân sự: Nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng KT, huyện SH, tỉnh Phú Yên yêu cầu bị cáo bồi thường 17.691.408 đồng. Bị cáo D đã tự nguyện bồi thường 1.000.000 đồng.

Cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 05/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên truy tố Võ Ngọc D về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm d khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Võ Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và chấp nhận các khoản bồi thường dân sự theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng KT, huyện SH xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về dân sự: Yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản và môi trường với tổng số tiền 17.691.408 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Xin được nhận lại xe môtô biển số 78N4-0367. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên tiến hành tố tụng tại phiên toà sau khi phân tích mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị HĐXX căn cứ điểm d khoản 1 Điều 243 BLHS, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo D mức án từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cùng gia đình bị cáo phối hợp giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với nguyên đơn dân sự về việc bị cáo D thống nhất bồi thường đủ theo yêu cầu của Ban quản lý rừng đặc dụng KT, huyện SH tổng các khoản thiệt hại về lâm sản và môi trường 17.691.408 đồng; Bị cáo đã bồi thường 1.000.000 đồng, nên còn phải bồi thường tiếp 16.691.408 đồng;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47, 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy 01 cái rựa dài 83cm, vì là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội hiện không còn giá trị sử dụng;

Truyên trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim G 01 xe môtô biển số 78N4-0367 và 01 giấy đăng ký xe môtô nêu trên, vì là tài sản hợp pháp của bà G cho bị cáo D mượn. Khi bị cáo dùng vào việc phạm tội thì bà G không biết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo Võ Ngọc D tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với nhau; phù hợp với các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 02/2016 đến đầu năm 2017, Võ Ngọc D nhiều lần điều khiển xe môtô biển số 78N4 – 0367 đến khu vực rừng đặc dụng thuộc khoảnh 4, tiểu khu 206, xã ER, huyện SH, tỉnh Phú Yên, dùng rựa chặt phá trái phép diện tích 1.920m^2 rừng đặc dụng do Ban quản lý rừng đặc dụng KT, huyện SH quản lý, làm thiệt hại về lâm sản và môi trường 17.691.408 đồng. Hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại

rừng" theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Võ Ngọc D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng mà còn xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, môi trường sống của con người. Vì vậy, cần xử bị cáo mức án nghiêm để trừng trị, răn đe, giáo dục và ngăn ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; tỏ ra biết ăn năn hối cải, gia đình nghèo khó, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại do mình gây ra; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; được đại diện nguyên đơn dân sự tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xét giảm cho bị cáo một hình phạt tương xứng.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác, nên cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục tốt.

Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo Võ Ngọc D và đại diện nguyên đơn dân sự thống nhất thỏa thuận: Bị cáo D tự nguyện bồi thường đủ theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự về khoản thiệt hại lâm sản và môi trường với số tiền 17.691.408 đồng; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường 1.000.000 đồng, nên còn phải bồi thường tiếp 16.691.408 đồng. Xét sự tự nguyện thỏa thuận nêu trên là phù hợp pháp luật, nên HĐXX ghi nhận.

Về vật chứng: 01 cái rựa là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định;

Đối với xe môtô 01 biển số 78N4-0367 và 01 giấy đăng ký xe do bà Lê Thị Kim G kê khai đứng tên, là tài sản hợp pháp của bà G cho bị cáo D mượn. Khi bị cáo D dùng vào việc phạm tội thì bà G không biết, nên phải trả lại cho bà G theo quy định.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Ngọc D phải chịu tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Ngọc D phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Ngọc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gián thử thách 03 (ba) năm, tỉnh từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

Giao bị cáo Võ Ngọc D cho UBND thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Võ Ngọc D có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn CS, huyện SH để giám sát, giáo dục bị cáo D trong thời gian thử thách.

Trường hợp, bị cáo Võ Ngọc D thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Võ Ngọc D với Đại diện của nguyên đơn dân sự về việc: Bị cáo D tự nguyện bồi thường đủ theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự về khoản thiệt hại lâm sản và môi trường với tổng số tiền 17.691.408 đồng. Bị cáo D đã tự nguyện bồi thường 1.000.000 đồng, nên còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 16.691.408 đồng;

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên trả cho nguyên đơn đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng KT, huyện SH, tỉnh Phú Yên số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo D đã nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sư huyện SH *(theo biên lai thu số 0000952 ngày 08/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên)*.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 cái rựa dài 83cm, lưỡi bằng kim loại, cán gỗ;

Tuyên trả lại cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Thị Kim G 01 xe môtô biển số 78N4-0367 và 01 giấy đăng ký xe nêu trên.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 07/02/2018 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Võ Ngọc D phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 835.000 (*Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện Sơn Hòa (02);
- CA huyện Sơn Hòa (03);
- Bị cáo (02);
- Nguyen đơn dân sự (01)
- THADS huyện Sơn Hòa (01);
- Lưu HS.

Phạm Cao Gia